

PHÁP LUẬT KINH TẾ

— — — — * * * — — — —

Đề tài: *Tại sao phải thu hút vốn đầu tư nước ngoài? Theo em Nhà nước Việt Nam nên có những quy định như thế nào để vừa thu hút được vốn nước ngoài, vừa bảo hộ được các nhà đầu tư trong nước và đảm bảo vốn cạnh tranh?*

Bài làm:

Hiện nay, việc thu hút đầu tư nước ngoài đang trở thành bộ phận chủ yếu của quan hệ kinh tế thế giới. Nó là nhân tố quan trọng hàng đầu của nhiều nước nhằm hỗ trợ và phát huy lợi thế của mỗi quốc gia phát triển và là đòi hỏi khách quan của quá trình phát triển kinh tế xã hội ở mỗi nước. Đối với các nước đang phát triển, đầu tư nước ngoài là một trong những nhân tố chủ yếu cho sự tăng trưởng kinh tế, là một trong những chỉ số căn bản đánh giá khả năng phát triển. Mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại, phát triển ngoại thương, thực hiện tốt chương trình hàng xuất khẩu thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam là những nhiệm vụ có tầm chiến lược quan trọng trước mắt, là lâu dài của Đảng và Nhà nước ta.

Trong điều kiện hiện nay, khi mà nguồn vốn đầu tư ngày càng khan hiếm, cuộc cạnh tranh để thu hút vốn ngày càng trở nên gay gắt, các nước đều nhận thức được vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài và luôn có những quyết sách thích hợp để cải thiện môi trường đầu tư. Các biện pháp khuyến khích đầu tư ngày càng mở rộng phong phú hơn, cùng với nền tảng bảo hộ pháp chế chắc chắn tạo nên môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư.

Việt Nam, sau hơn 10 năm ban hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1987), đã có những đổi mới căn bản trong nhận thức và đường lối, chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài đã đạt được thành tựu đáng khích lệ, nguồn vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý đã bước đầu được thu hút, tốc độ tăng

trường kinh tế được thúc đẩy theo hướng tích cực. Tuy nhiên, trong một số năm gần đây dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam có xu hướng chững lại, gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, để đẩy mạnh hơn nữa việc thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam cần có những biện pháp khuyến khích và bảo hộ đầu tư nước ngoài vào Việt Nam sao cho thoáng hơn nữa nhằm tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn để có thể cạnh tranh với các nhà đầu tư trên thế giới. Đặc biệt, đó là điều hết sức cần thiết và có ý nghĩa đối với sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

I. Lợi ích của việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài:

Trước hết chúng ta phải khẳng định là: Đầu tư nước ngoài đem lại nhiều lợi ích cho thúc đẩy phát triển kinh tế, đặc biệt là những nước đang phát triển như Việt Nam:

1. Đem lại nguồn vốn để phát triển kinh tế:

Trong các lý luận về tăng trưởng kinh tế, nhân tố vốn luôn được đề cập. Khi một nền kinh tế muốn tăng trưởng nhanh hơn, nó cần nhiều vốn hơn nữa. Nếu vốn trong nước không đủ, nền kinh tế này sẽ muốn có cả vốn từ nước ngoài, trong đó có vốn FDI. Việt Nam là một trong những nước đang phát triển. Vì vậy mà chúng ta rất cần nguồn vốn đầu tư để phát triển kinh tế, xây dựng đất nước. Nhưng hiện tại đất nước rất thiếu vốn, đầu tư trong nước không đủ nên ta phải đi huy động nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Việc huy động, thu hút vốn từ nước ngoài sẽ giúp nước ta có nguồn vốn để sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế, tận dụng và khai thác hiệu quả các nguồn lực của đất nước như: tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,...

2 Khi thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài chúng ta còn có thể thu hút được khoa học công nghệ tiên tiến trên thế giới.

Điều đó góp phần nâng cao năng suất lao động, phát triển kinh tế trong nước.. Thu hút được các chuyên gia nước ngoài vào làm việc, từ đó tạo điều kiện cho đội ngũ kỹ sư trong nước Có điều kiện học hỏi, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm tiến tới làm chủ công nghệ.

Trong một số trường hợp, vốn cho tăng trưởng dù thiếu vẫn có thể huy động được phần nào bằng "chính sách thắt lưng buộc bụng". Tuy nhiên, công nghệ và bí quyết quản lý thì không thể có được bằng chính sách đó. Thu hút FDI từ các công ty đa quốc gia sẽ giúp một nước có cơ hội tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý kinh doanh mà các công ty này đã tích lũy và phát triển qua nhiều năm và bằng những khoản chi phí lớn. Tuy nhiên, việc phổ biến các công nghệ và bí quyết quản lý đó ra cả nước thu hút đầu tư còn phụ thuộc rất nhiều vào năng lực tiếp thu của đất nước.

3. Tạo công ăn việc làm cho người lao động, nhất là ở các vùng kinh tế còn kém phát triển.

Từ đó góp phần nâng cao mức sống của người dân, tránh lãng phí nguồn lực lao động(nước ta lại là nước có cơ cấu dân số trẻ có nguồn lực lao động dồi dào). Vì một trong những mục đích của FDI là khai thác các điều kiện để đạt được chi phí sản xuất thấp, nên xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sẽ thuê mướn nhiều lao động địa phương. Thu nhập của một bộ phận dân cư địa phương được cải thiện sẽ đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của địa phương. Trong quá trình thuê mướn đó, đào tạo các kỹ năng nghề nghiệp, mà trong nhiều trường hợp là mới mẻ và tiên bộ ở các nước đang phát triển thu hút FDI, sẽ được xí nghiệp cung cấp. Điều này tạo ra một đội ngũ lao động có kỹ năng cho nước thu hút FDI. Không chỉ có lao động thông thường, mà cả các nhà chuyên môn địa phương cũng có

ơ hội làm việc và được bồi dưỡng nghiệp vụ ở các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Ở Việt Nam, bình quân trong thời kỳ 2001 – 2006 khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo việc làm thêm cho khoảng 11 vạn việc làm mỗi năm đưa tổng số lao động trực tiếp của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tính đến cuối năm 2006 lên 1, 13 triệu người. Ngoài ra khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra khoảng vài triệu lao động gián tiếp trong 6 năm qua.

4. Giúp tạo nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước:

Đối với nhiều nước đang phát triển, hoặc đối với nhiều địa phương, thuế do các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nộp là nguồn thu ngân sách quan trọng. Chẳng hạn, ở Hải Dương riêng thu thuế từ công ty lắp ráp ô tô Ford chiếm 50 phần trăm số thu nội địa trên địa bàn tỉnh năm 2006

FDI cũng đã giúp Việt Nam có một bước tiến lớn hơn vào các thị trường quốc tế, cải thiện tiềm năng xuất khẩu của Việt nam. FDI chiếm một tỷ lệ đáng kể trong các ngành công nghiệp chủ đạo của Việt Nam, cụ thể là 42% công nghiệp giấy da, 25% trong may mặc và 84% trong điện tử, máy tính và các linh kiện. Đóng góp của FDI cho Ngân sách Nhà nước trong giai đoạn 2001 - 2005 là khoảng 3,67 tỷ đô-la Mỹ, với mức tăng nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước, năm 2006 đạt 1,4 tỷ USD, tăng 36,3% so với năm 2005.

5. Học tập được kinh nghiệm quản lý, lãnh đạo điều hành doanh nghiệp công ty chuyên nghiệp của các nước tiên tiến hơn. Từ đó góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành của các nhà lãnh đạo trong nước.

6. Tạo điều kiện cho việc giao lưu kinh tế, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước.

Khi thu hút FDI từ các công ty đa quốc gia, không chỉ xí nghiệp có vốn đầu tư của công ty đa quốc gia, mà ngay cả các xí nghiệp khác trong

nước có quan hệ làm ăn với xí nghiệp đó cũng sẽ tham gia quá trình phân công lao động khu vực. Chính vì vậy, nước thu hút đầu tư sẽ có cơ hội tham gia mạng lưới sản xuất toàn cầu thuận lợi cho đẩy mạnh xuất khẩu.

7. *Tạo đà phát triển cho kinh tế trong nước.*

Việt Nam đã công nhận một cách chính thức và rộng rãi rằng FDI đang ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của Việt Nam trên nhiều phương diện: vốn, công nghệ, nâng cao khả năng thanh toán quốc tế, phát triển xuất khẩu, tham gia vào các thị trường quốc tế,FDI đã hỗ trợ Việt Nam một cách tích cực trong việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để Việt nam gia nhập ASEAN, ký kết thoả thuận khung với EU, bình thường hoá quan hệ và thoả thuận thương mại song phương với Mỹ.

Trong những năm gần đây, vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã tăng lên đáng kể. Theo báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài, tính đến 20/8, tổng số dự án đăng ký cấp mới đã đạt con số 658 với trị giá 10,79 tỷ USD, giảm khoảng 10% về số dự án nhưng tăng 41% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2009.

Tuy nhiên, việc mở cửa thị trường vốn cũng đồng nghĩa với việc Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều áp lực, nhất là khi khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế Việt Nam là chưa cao. FDI có nhiều tác động tích cực, nhưng tác động đó không tự nhiên xảy ra.

Vì vậy, bên cạnh việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, nhà nước ta cũng phải xem xét những chính sách bảo hộ cho nhà đầu tư trong nước, và điều chỉnh theo bối cảnh nền kinh tế.

II. Những chính sách thu hút đầu tư nước ngoài tốt nhất:

Về ngắn hạn, các chính phủ cần khuyến khích các nhà đầu tư bằng những chính sách trợ cấp hoặc miễn thuế. Tuy nhiên về lâu dài, những chính sách như vậy lại có thể làm giảm năng suất của các khoản đầu tư.

Các mức thuế thấp hơn dẫn đến việc cắt giảm các dịch vụ công cộng (gồm giáo dục khoa học và kỹ thuật, cơ sở hạ tầng), khiến đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và những mối lợi từ FDI sẽ giảm sút.

Trong một báo cáo mới đây, tổ chức Conference Board của Canada chuyên nghiên cứu và phân tích xu hướng kinh tế thế giới đã đưa ra 10 kết luận về những chính sách thu hút đầu tư nước ngoài tốt nhất.

Báo cáo nêu rõ muốn thu hút các nhà đầu tư ở khắp nơi trên thế giới, quốc gia sở tại cần hội tụ các yếu tố cần như cơ sở hạ tầng vững mạnh, sự bảo vệ pháp lý đáng tin cậy, lực lượng lao động được đào tạo tốt, những chính sách hỗ trợ tăng năng suất và tăng trưởng kinh tế thực.

Hầu hết các nhà kinh tế đều cho rằng đầu tư trực tiếp nước ngoài mang lại những lợi ích kinh tế ròng cho nước đầu tư lẫn nước nhận đầu tư.

Qua nghiên cứu, tổ chức Conference Board đã tổng kết những thông lệ chính sách tốt nhất để thúc đẩy đầu tư nước ngoài. Theo đó, các chính phủ trước hết cần khuyến khích sự tăng trưởng kinh tế, bảo đảm một chế độ pháp lý minh bạch và đáng tin cậy, có lực lượng lao động chuyên môn lành nghề, cơ sở hạ tầng giao thông và viễn thông tốt và một môi trường khuyến khích sáng tạo nhằm cải thiện sức hấp dẫn với các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc tập trung hoạt động kinh tế ở địa phương cũng có thể khuyến khích đầu tư trực tiếp nước ngoài, nhưng cần có chính sách hợp lý và cơ quan công quyền hiệu quả, đáng tin cậy. Đầu tư trực tiếp hướng ngoại cũng có thể làm lợi cho nước đi đầu tư vì nó giúp mang lại những kỹ năng và tri thức chuyên ngành từ các dự án đầu tư.

Các cơ quan xúc tiến đầu tư nên tư vấn cho các nhà đầu tư nước ngoài về những lợi thế của một địa phương và giảm bớt tệ quan liêu đang làm tăng chi phí cũng như rủi ro đối với các nhà đầu tư.

Việc buộc các nhà đầu tư nước ngoài phải mua nguyên vật liệu của các nhà cung cấp địa phương hoặc phải liên doanh với các đối tác địa

phương không giúp tăng cường lợi ích từ các khoản đầu tư nước ngoài, thậm chí còn cản trở FDI.

Như vậy, các thông lệ FDI tốt nhất bao gồm những chính sách khung, giúp tăng cường khả năng sản xuất của nền kinh tế quốc gia hay địa phương, cải thiện hiệu quả làm việc của chính quyền, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, cũng như tăng cường khả năng sáng tạo.

III. Chính sách bảo hộ các nhà đầu tư của Việt Nam:

Đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nhà đầu tư được nhà nước Việt Nam đảm bảo các nội dung sau:

1. Bảo đảm về vốn và tài sản

- Vốn đầu tư và tài sản hợp pháp của nhà đầu tư không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.
- Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia, Nhà nước trưng mua, trưng dụng tài sản của nhà đầu tư thì nhà đầu tư được thanh toán hoặc bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm công bố việc trưng mua, trưng dụng.

Việc thanh toán hoặc bồi thường phải bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và không phân biệt đối xử giữa các nhà đầu tư.

- Đối với nhà đầu tư nước ngoài, việc thanh toán hoặc bồi thường tài sản được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi và được quyền chuyển ra nước ngoài.
- Thẻ thức, điều kiện trưng mua, trưng dụng theo quy định của pháp luật.

2. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động đầu tư; bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư trong việc chuyển giao công nghệ tại Việt

Nam theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Mở cửa thị trường, đầu tư liên quan đến thương mại

Để phù hợp với các quy định trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Nhà nước bảo đảm thực hiện đối với nhà đầu tư nước ngoài các quy định sau đây:

- Mở cửa thị trường đầu tư phù hợp với lộ trình đã cam kết;
- Không bắt buộc nhà đầu tư phải thực hiện các yêu cầu sau đây:
 - + Ưu tiên mua, sử dụng hàng hóa, dịch vụ trong nước hoặc phải mua hàng hóa, dịch vụ từ nhà sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ nhất định trong nước;
 - + Xuất khẩu hàng hóa hoặc xuất khẩu dịch vụ đạt một tỷ lệ nhất định; hạn chế số lượng, giá trị, loại hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu hoặc sản xuất, cung ứng trong nước;
 - + Nhập khẩu hàng hóa với số lượng và giá trị tương ứng với số lượng và giá trị hàng hóa xuất khẩu hoặc phải tự cân đối ngoại tệ từ nguồn xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu;
 - + Đạt được tỷ lệ nội địa hóa nhất định trong hàng hóa sản xuất;
 - + Đạt được một mức độ nhất định hoặc giá trị nhất định trong hoạt động nghiên cứu và phát triển ở trong nước;
 - + Cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại một địa điểm cụ thể ở trong nước hoặc nước ngoài;
 - + Đặt trụ sở chính tại một địa điểm cụ thể.

4. Chuyển vốn, tài sản ra nước ngoài

- Sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được chuyển ra nước ngoài các khoản sau đây:
 - + Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh;

- + Những khoản tiền trả cho việc cung cấp kỹ thuật, dịch vụ, sở hữu trí tuệ;
 - + Tiền gốc và lãi các khoản vay nước ngoài;
 - + Vốn đầu tư, các khoản thanh lý đầu tư;
 - + Các khoản tiền và tài sản khác thuộc sở hữu hợp pháp của nhà đầu tư.
- Người nước ngoài làm việc tại Việt Nam cho các dự án đầu tư được chuyển ra nước ngoài thu nhập hợp pháp của mình sau khi thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam.
 - Việc chuyển ra nước ngoài các khoản trên được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng thương mại do nhà đầu tư lựa chọn.
 - Thủ tục chuyển ra nước ngoài các khoản tiền liên quan đến hoạt động đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

5. Áp dụng giá, phí, lệ phí thống nhất

Trong quá trình hoạt động đầu tư tại Việt Nam, nhà đầu tư được áp dụng thống nhất giá, phí, lệ phí đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước kiểm soát.

6. Bảo đảm đầu tư trong trường hợp thay đổi pháp luật, chính sách

- Trường hợp pháp luật, chính sách mới được ban hành có các quyền lợi và ưu đãi cao hơn so với quyền lợi, ưu đãi mà nhà đầu tư đã được hưởng trước đó thì nhà đầu tư được hưởng các quyền lợi, ưu đãi theo quy định mới kể từ ngày pháp luật, chính sách mới đó có hiệu lực.
- Trường hợp pháp luật, chính sách mới ban hành làm ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích hợp pháp mà nhà đầu tư đã được hưởng trước khi quy định của pháp luật, chính sách đó có hiệu lực thì nhà đầu tư được bảo đảm hưởng

các ưu đãi như quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được giải quyết bằng một, một số hoặc các biện pháp sau đây:

- + Tiếp tục hưởng các quyền lợi, ưu đãi;
- + Được trừ thiệt hại vào thu nhập chịu thuế;
- + Được điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án;
- + Được xem xét bồi thường trong một số trường hợp cần thiết.

- Căn cứ vào quy định của pháp luật và cam kết trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Chính phủ quy định cụ thể về việc bảo đảm lợi ích của nhà đầu tư do việc thay đổi pháp luật, chính sách ảnh hưởng bất lợi đến lợi ích của nhà đầu tư.

7. Giải quyết tranh chấp

- Tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải, Trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa các nhà đầu tư trong nước với nhau hoặc với cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam được giải quyết thông qua Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam.

- Tranh chấp mà một bên là nhà đầu tư nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoặc tranh chấp giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau được giải quyết thông qua một trong những cơ quan, tổ chức sau đây:

- + Toà án Việt Nam;
- + Trọng tài Việt Nam;
- + Trọng tài nước ngoài;
- + Trọng tài quốc tế;
- + Trọng tài do các bên tranh chấp thoả thuận thành lập.

- Tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài với cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam liên quan đến hoạt động đầu tư trên lãnh thổ Việt Nam được giải

quyết thông qua Trọng tài hoặc Toà án Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong hợp đồng được ký giữa đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư nước ngoài hoặc trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

So với pháp Luật về bảo đảm đầu tư trước đây, Luật đầu tư quy định cụ thể hơn các nguyên tắc và nội dung bảo đảm đầu tư của Nhà nước. Đó là: Việc thanh toán hoặc bồi thường tài sản cho nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp Nhà nước trưng mua, trưng dụng tài sản của nhà đầu tư được quyền chuyển ra nước ngoài; Khẳng định bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động đầu tư, bảo đảm lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư trong việc chuyển giao công nghệ tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật về sở hữu trí tuệ và các quy định khác của Pháp luật có liên quan; Trong quá trình hoạt động đầu tư tại Việt Nam, nhà đầu tư được áp dụng thống nhất giá, phí, lệ phí đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước kiểm soát.

Đặc biệt, trong trường hợp thay đổi pháp luật, chính sách, Luật quy định nhà đầu tư được giải quyết bằng một, một số hoặc các biện pháp sau đây: Tiếp tục được hưởng các quyền lợi, ưu đãi; Được trừ thiệt hại vào thu nhập chịu thuế; được điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án; được xem xét bồi thường trong một số trường hợp cần thiết.

Ngoài ra Việt Nam cần có những quy định nhằm bảo đảm an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. An ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài có thể được xem xét ở một số khía cạnh nhất định. Các khía cạnh này bao gồm:

- Quy định các lĩnh vực cấm đầu tư, hạn chế đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư hoặc quy định mức góp vốn trong các dự án quan trọng chỉ ở một tỷ lệ nhất định.

- Tỷ trọng vốn đầu tư nước ngoài trong tổng số vốn đầu tư toàn xã hội và thông thường phương châm được quán triệt là “Vốn trong nước là quyết định, vốn nước ngoài là quan trọng”.
- Quy định cơ cấu nhân sự và nguyên tắc nhất trí của hội đồng quản trị. Nếu tổng giám đốc là người nước ngoài thì phó tổng giám đốc thứ nhất là người trong nước. Đây là việc quy định một cơ cấu điều hành và quyền lực lãnh đạo doanh nghiệp có sự chế ước song hoặc đa phương.
- Quy định không quốc hữu hoá, trưng dụng, tịch thu hoặc sử dụng các biện pháp hành chính để can thiệp vào hoạt động của các nhà đầu tư nước ngoài để tránh tình trạng rút vốn ồ ạt của nhà đầu tư nước ngoài gây đổ bể dự án. Đồng thời, áp dụng nguyên tắc “không hồi tố” đối với trường hợp chính sách có sự thay đổi bất lợi cho nhà đầu tư nước ngoài.
- Quy định về cơ chế giải quyết tranh chấp để bảo vệ nhà đầu tư nước ngoài như tranh chấp được giải quyết công khai nếu các bên không tự giải quyết bằng thương lượng và hoà giải.
- Các hiệp định song phương và đa phương được soạn thảo và ký kết về đầu tư nước ngoài để tạo ra sự bảo đảm quốc tế đối với hoạt động đầu tư nước ngoài cho nhà đầu tư nước ngoài. Nếu những mâu thuẫn và xung đột về lợi ích của các bên đối tác trong các dự án phát sinh không giải quyết được, đòi hỏi sự tham gia của chính phủ các bên có liên quan.
- Các cam kết về góp vốn bằng tài sản hữu hình và vô hình hoặc dịch vụ, quy định về thời hạn, quy định về việc tham gia các giao dịch trên thị trường chứng khoán... nhằm bảo đảm lợi ích thoả đáng cho các bên.
- Các khu công nghiệp, khu chế xuất, đặc khu kinh tế, khu kinh tế mở... là những địa điểm chịu sự chi phối rất lớn của nhà đầu tư nước ngoài.

- Thông qua hoạt động đầu tư nước ngoài, có thể các thông tin kinh tế – xã hội cơ bản bị tiết lộ, nhà đầu tư có ảnh hưởng lớn đến cộng đồng về thói quen, tập quán, nhận thức... Thậm chí có thể xuất hiện những vụ bạo động do các phần tử quá khích hoặc các thế lực phản động quốc tế lợi dụng việc nghiên cứu cơ hội đầu tư nước ngoài để thực hiện “diễn biến hoà bình”, các chi nhánh của các công ty xuyên quốc gia tham gia sâu hơn vào công việc nội bộ về kinh tế như chi phối thị trường, chi phối quá trình hoạch định chính sách, lũng đoạn thị trường...

IV. Các giải pháp bảo đảm an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam:

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, xu hướng toàn cầu hoá kinh tế và tự do hoá đầu tư đang gia tăng, chính sách đầu tư trong nước được coi trọng sửa đổi, hoàn thiện theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, nhiều cơ hội mở ra và đồng thời rất nhiều thách thức vừa ngấm ngấm, vừa lộ rõ đang ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài. Bên cạnh việc bảo đảm an ninh cho nhà đầu tư nước ngoài, việc coi trọng bảo vệ an ninh quốc gia, ngành, địa phương, doanh nghiệp, người lao động... cần được quan tâm hữu hiệu. Việt Nam là một nước chủ yếu coi trọng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, việc chú trọng bảo vệ an ninh quốc gia, ngành, doanh nghiệp và người dân là hoàn toàn cần thiết.

☞ Để bảo đảm an ninh trong thu hút đầu tư nước ngoài từ góc độ của nước tiếp nhận, cần áp dụng nhiều biện pháp khác nhau:

Thứ nhất, cần nâng cao nhận thức về an ninh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Khác với quan niệm truyền thống, an ninh được hiểu là sự độc lập hoàn toàn trong quá trình hoạch định chính sách và thực hiện

chính sách đầu tư nước ngoài. An ninh quốc tế ngày nay cần được hiểu là sự chế ước lẫn nhau giữa các lực lượng trong nền kinh tế toàn cầu. An ninh kinh tế đang ngày càng giữ vị trí trung tâm trong hệ thống an ninh quốc tế khi xu hướng hợp tác, sự phụ thuộc lẫn nhau và toàn cầu hoá kinh tế ngày càng nổi trội. An ninh là một khái niệm đa nghĩa, một quan niệm có tính chất “động” và đang ngày càng phản ánh khả năng tăng ảnh hưởng lẫn nhau, tăng tính chất đối trọng trong việc ra quyết định giữa Chính phủ và các nhà đầu tư nước ngoài trong các giao dịch đầu tư nước ngoài. Do đó, việc thực hiện theo chiều rộng và chiều sâu chính sách đối ngoại hợp tác, rộng mở, đa dạng hoá và đa phương hoá sẽ tạo cơ hội cho việc khai thác tác động nhiều chiều của các lực lượng khác nhau trong nền kinh tế toàn cầu, hình thành thể trận an ninh theo cách tiếp cận mới đặc biệt là cách tiếp cận chi phí- lợi ích và cần quán triệt nguyên tắc đôi bên cũng có lợi, đôi bên cùng an toàn trong đầu tư .

Thứ hai, cần có cơ chế theo dõi, giám sát hợp lý hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài để giảm thiểu những tác động bất lợi của hoạt động thu hút đầu tư đến an ninh quốc gia. Cơ chế giám sát này, cần bảo đảm nguyên tắc tôn trọng lợi ích và những quyền kinh doanh hợp pháp của nhà đầu tư, thiện chí hợp tác và làm ăn lâu dài và cần có chế độ cảnh báo sớm những thua thiệt về lợi ích quốc gia, lợi ích doanh nghiệp, lợi ích người lao động trong thu hút đầu tư nước ngoài để có đối sách thích hợp. Việc tiếp tục hoàn thiện chính sách đầu tư theo các cam kết của Việt Nam trong WTO cần cân nhắc các loại lợi ích của các đối tượng có liên quan, trong đó có khía cạnh về an ninh.

Thứ ba, các chính sách, quy định ban hành trong thu hút đầu tư nước ngoài cần tính đến lợi ích về an ninh lâu dài của bên Việt Nam, tránh làm tổn hại về an ninh của quốc gia, ngành, doanh nghiệp, người lao động.

Cách hiểu an ninh cần toàn diện và các biện pháp áp dụng càng mềm dẻo và sâu sắc hơn. Đặc biệt, cần có giải pháp thích hợp để bảo đảm an ninh cho doanh nghiệp và người lao động khi xuất hiện làn sóng sáp nhập và mua lại doanh nghiệp ở Việt Nam có khả năng bùng phát trong thời gian tới. Chính sách an sinh xã hội, cơ chế bảo hiểm đầu tư, chính sách trợ cấp việc làm, trợ cấp thất nghiệp... cần được hoàn thiện để phù hợp với những biến động mới của thị trường đầu tư nước ngoài.

Thứ tư, cần đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ cán bộ làm việc trực tiếp trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài để đội ngũ này trở thành những nơi quan sát hữu hiệu hoạt động nhà đầu tư nước ngoài, một mặt, học tập cách thức lãnh đạo, điều hành hoạt động doanh nghiệp; mặt khác, có những đối sách phù hợp để đấu tranh bảo vệ an ninh việc làm cho người lao động, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc và phát triển quan hệ hợp tác lâu dài, bền vững trong thu hút đầu tư nước ngoài. Nghĩa là cả các khía cạnh cạnh hợp tác và đấu tranh cần được hiểu biết sâu sắc và được “thẩm thấu” trong đội ngũ cán bộ và được khai thác một cách hợp lý nhất.

Thứ năm, cần phát triển học thuyết về xây dựng thể trận an ninh nhân dân trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế làm sao cho mỗi người dân trở thành một chiến sỹ an ninh đáng tin cậy, mỗi doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế là một trụ cột về an ninh kinh tế... và gắn với các tác động quốc tế. Học thuyết này, cần lấy nền tảng là lực lượng quần chúng nhân dân gắn với việc xây dựng lực lượng an ninh tinh nhuệ và chuyên nghiệp, khai thác triệt để cơ hội và sự tương tác lẫn nhau giữa các lực lượng an ninh quốc tế và giảm thiểu tối đa những thách thức về an ninh trong đầu tư nước ngoài. Điều đó, đòi hỏi phải tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về chiến lược an ninh nhân dân cho mỗi người dân, từng người lao động làm việc trong các dự án có vốn đầu tư nước ngoài,

các cán bộ quản lý nhà nước, các doanh nhân... Tạo được sự đồng thuận cao trong mọi tầng lớp nhân dân về ý thức bảo vệ an ninh, lợi ích đất nước, dân tộc, doanh nghiệp, tập đoàn, con người... trong điều kiện hội nhập và đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài.

V. Kết luận

Như vậy, để vừa thu hút được vốn đầu tư nước ngoài vừa bảo hộ được các nhà đầu tư trong nước và đảm bảo có cạnh tranh thì Nhà nước ta cần: Đưa ra một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về các biện pháp bảo đảm và khuyến khích đầu tư, trong đó có các giải pháp: Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật phù hợp với nền kinh tế thị trường và các điều ước quốc tế; Hoàn thiện các quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện, điều chỉnh việc xây dựng quy hoạch, mở rộng lĩnh vực ưu đãi đầu tư; Hoàn thiện các ưu đãi về thuế; Hoàn thiện các quy định pháp luật về đất đai; Hoàn thiện pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu và giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại; Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Hi vọng rằng, bằng những quy định sáng suốt và hợp lý nền kinh tế của Việt Nam sẽ từng bước phát triển hội nhập với nền kinh tế thế giới.